**HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP TUẦN 3 LỚP 9- MÔN KHXH**

**MÔN GDCD – TUẦN 3**

Câu 1. Các hành vi vi phạm các chuẩn mực về truyền thống đạo đức là

A. con cái đánh chửi cha mẹ.

B. con cháu kính trọng ông bà.

C. thăm hỏi thầy cô lúc ốm đau.

D. giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn.

Câu 2. Câu tục ngữ: “Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” nói về truyền thống nào của dân tộc ta?

A. Truyền thống yêu thương con người.

B. Truyền thống nhân đạo.

C. Truyền thống tôn sư trọng đạo.

D. Truyền thống yêu nước.

Câu 3. Trong cuộc thảo luận về “Vai trò, nhiệm vụ của học sinh cuối cấp”, bạn H cho rằng .” Trong thời đại mở cửa và hội nhập hiện nay, truyền thống văn hóa dân tộc giờ đây ngày càng quan trọng trong việc định hướng cho học sinh về tư tưởng và nhận thức về văn hóa”. Quan điểm của H thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Kế thừa truyền thống của dân tộc.

B.Tư tin về truyền thống dân tộc.

C. Sống và ứng xử theo bản năng các giá trị đạo đức.

D. Lên án ngăn chặn hoạt động giao lưu văn hóa.

Câu 4. Quan điểm nào dưới đây thể hiện đúng tính năng động, sáng tạo?

A. Năng động, sáng tạo là phẩm chất riêng của những thiên tài.

B. Học sinh còn nhỏ tuổi chưa thể năng động, sáng tạo.

C. Học sinh còn nhỏ không cần năng động, sáng tạo.

D. Thiên tài 1% là bẩm sinh, còn 99% là mồ hôi và nước mắt.

Câu 5. Trong học tập học sinh thể hiện năng động,sáng tạo qua việc

A. không cần học, chơi thân với bạn học giỏi là được.

B. không chuẩn bị bài ở nhà mà đến lớp mượn vở của bạn chép.

C. quyết tâm tìm ra cách giải bài tập theo cách mới.

D. làm bài không cần suy nghĩ.

Câu 6.Việc làm nào chưa thể hiện năng động, sáng tạo?

A. Môn GDCD dễ nên giờ công dân có thể mang toán ra làm.

B. Linh hoạt xử lí các tình huống.

C. Mạnh dạn hỏi thầy cô khi gặp bài khó.

D. Luôn chủ động trong việc sắp xếp và tiến hành công việc.

Câu 7. Việc làm có năng suất, chất lượng và hiệu quả là

A. chỉ quan tâm đến số lượng nhất thời.

B. chỉ cần đủ số lượng là được.

C. tăng số lượng nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng.

D. cần tăng nhanh số lượng sản phẩm trước thời hạn.

Câu 8. Để làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả mỗi người lao động cần

A. đợi nhà nước nhập công nghệ mới..

B. tìm cách lấy bản quyền của người khác.

C. tích cực nâng cao tay nghề.

D. làm hàng giả, hàng nhái, hàng kém chấtl ượng.

Câu 9. Câu nào dưới đây thể hiện làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả?

A. Một người hay lo bằng một kho người hay làm.

B. Ăn kĩ làm dối.

C. Đừng phá cửa mà hãy mở nó nhẹ nhàng bằng chìa khóa.

D. Ai cũng tạo nên số phận của mình.

Câu 10. Biểu hiện nào sau đây cần phải tránh?

A. Áp dụng nguyên xi kinh nghiệm của người khác.

B. Luôn suy nghĩ để tìm cách nâng cao hiệu quả công việc.

C.Tích cực tham khảo, học hỏi từ những người xung quanh.

D.Tìm cách điều chỉnh để thích nghi với hoàn cảnh mới.

**MÔN LỊCH SỬ**

**Câu 1. Đỉnh cao trong phong trào cách mạng 1930-1931 là**

A. phong trào đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng.

B. phong trào đấu tranh của công nhân nhà máy cưa Bến Thủy (Vinh).

C. phong trào đấu tranh của nhân dân ở Sài Gòn-Chợ Lớn.

D. phong trào đấu tranh Xô viết Nghệ -Tĩnh.

**Câu 2. Đâu không phải là tác động của cuộc khủng hoảng thế giới 1929-1933 lên tình hình Việt Nam lúc bấy giờ?**

A. Làm cho nền kinh tế Việt Nam suy sụp nghiêm trọng.

B. Pháp có những chính sách nhằm khôi phục nền kinh tế Việt Nam.

C. Phong trào cách mạng của nhân dân ta dâng cao.

D. Số lượng công nhân thất nghiệp tăng cao.

**Câu 3. Đâu không phải là đặc điểm của phong trào cách mạng 1930-1931?**

A. Thành phần tham gia chủ yếu là công nhân và nông dân.

B. Phong trào diễn ra trên một phạm vi rộng lớn từ Bắc vào Nam.

C. Hình thức đấu tranh chủ yếu là đấu tranh chính trị.

D. Phong trào nổ ra theo phản ứng dây truyền.

**Câu 4. Động lực của phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam là**

A. công nhân và nông dân.

B. tư sản và công nhân.

C. công nhân, nông dân và trí thức.

D. nông dân, trí thức và tư sản.

**Câu 5. Cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là**

A. phong trào dân tộc dân chủ 1936-1939.

B. phong trào cách mạng 1930-1931.

C. cao trào kháng Nhật cứu nước 1945.

D. cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939-1945.

**Câu 6. Ý nghĩa quan trọng của phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam là**

1. Chứng minh trong thực tế khả năng lãnh đạo của chính đảng vô sản.
2. Tạo tiền đề trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945
3. Hình thành khối lien minh công nông binh cho cách mạng Việt Nam.
4. Đảng cộng sản Việt Nam được công nhận là một bộ phận độc lập.

**Câu 7. Tính chất triệt để của phong trào cách mạng Việt Nam 1930 – 1931 được biểu hiện ở chỗ**

1. Diễn ra qui mô rộng lớn ở cả 3 miền Bắc – Trung – Nam.
2. Đấu tranh và quyết liệt.
3. Lần đầu tiên có sự lãnh đạo của một chính Đảng.
4. Không ảo tưởng vào kẻ thù củ dân tộc và giai cấp.

**Câu 8. Khối liên minh công – nông lần đầu tiên được hình thành trong phong trào cách mạng nào ở Việt Nam?**

A. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945.

B. Phong trào cách mạng 1930 – 1931.

C. Dân tộc , dân chủ 1919 – 1930.

D. Dân chủ 1936 – 1939.

**Câu 9. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự bùng nổ của phong trào cách mạng năm 1930 – 1931 ở Việt Nam là**

A. tác động từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới ( 1929 -1933).

B. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo quần chúng.

C. thực dân Pháp thực hiện khủng bố trắng cách mạng Việt Nam sau khởi nghĩa Yên Bái.

D. đời sống các tầng lớp nhân dân Việt Nam khó khan do chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp.

**Câu 10. Sự ra đời của Xô Viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931 vì**

A. đã hoàn thành mục tiêu đề ra trong luận cương chính trị.

B. đây là mốc đánh dấu sự tan rã của bộ máy chính quyền và tay sai.

C. đã giải quyết được vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hôi.

D. Đây là hình thức chính quyền nhà nước giống các Xô Viết ở nước Nga.

**MÔN ĐỊA LÝ**

Câu 1. Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

A. Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

C. Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

Câu 2. Ý nào sau đây **không** phải là thành tựu của nước ta khi tiến hành đổi mới nền kinh tế?

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh và khá vững chắc.

B. Chênh lệch về kinh tế giữa các vùng miền còn lớn.

C. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo tích cực.

D. Hội nhập nền kinh tế khu vực và toàn cầu diễn ra nhanh chóng.

Câu 3. Ý nào sau đây **không** phải là thách thức của nước ta khi tiến hành đổi mới nền kinh tế?

A. Sự phân hoá giàu nghèo và tình trạng vẫn còn các xã nghèo, vùng nghèo.

B. Nhiều loại tài nguyên đang bị khai thác quá mức, môi trường bị ô nhiễm.

C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh và khá vững chắc.

D. Những bất cập trong sự phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU GDP TỪ NĂM 1990 ĐẾN NĂM 2002



Nhận định nào sau đây đúng?

A. Giảm tỉ trọng khu vực nghiệp khu vực công nghiệp - xây dựng; tăng tỉ trọng nông lâm ngư nghiệp; khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.

B. Giảm tỉ trọng khu vực nông lâm ngư nghiệp; tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng; khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.

C. Giảm tỉ trọng khu vực dịch vụ; tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng; khu vực nông- lâm- ngư nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.

D. Giảm tỉ trọng khu vực nông lâm ngư nghiệp; tăng tỉ trọng khu vực dịch vụ; khu vực công nghiệp- xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.

Câu 5. Trong giai đoạn 1989 -2003, lao động nước ta chủ yếu hoạt động trong ngành kinh tế

 A. nông – lâm – ngư nghiệp. B. công nghiệp- xây dựng.

 C. dịch vụ. D. cả 3 ngành trên.

Câu 6. Tư liệu sản xuất **không** thể thay thế được của ngành nông nghiệp là

A. đất đai. B. khí hậu. C. nước. D. sinh vật.

Câu 7. Nước ta có thể trồng từ 2 đến 3 vụ lúa và rau màu trong môt năm là nhờ có

A. diện tích đất phù sa lớn. B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. mạng lưới sông ngòi, ao, hồ dày đặc. D. nguồn sinh vật phong phú.

Câu 8. Hạn chế lớn nhất của tài nguyên nước ở nước ta là

A. chủ yếu nước trên mặt, nguồn nước ngầm không có.

B. phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ.

C. phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.

D. khó khai thác để phục vụ nông nghiệp vì hệ thống đê ven sông.

Câu 9. Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì

A. nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.

B. nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.

C. nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.

D. tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

Câu 10. Nền nông nghiệp nước ta mang tính mùa vụ vì

A. tài nguyên đất nước ta phong phú, có cả đất phù sa lẫn đất feralit.

B. nước ta có thể trồng được nhiều loại cây khác nhau.

C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa theo mùa.

D. lượng mưa phân bố không đều trong năm.